

1. Quản lý tài chính doanh nghiệp

- Tổ chức tốt hệ thống kế toán và thực hiện chế độ báo cáo tài chính bắt buộc, cũng như công khai tài chính theo đúng quy định.

Hệ thống sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính bắt buộc là công cụ chủ yếu để các nhà đầu tư, các giám đốc doanh nghiệp có thể thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, theo dõi chặt dòng chảy tài chính cũng như kịp thời nắm bắt tình hình biến động tài chính do nguyên nhân nào gây ra, để tìm cách xử lý và khắc phục kịp thời.

- Tổ chức tốt việc phân tích một số chỉ tiêu tài chính để định hướng cho sự phát triển doanh nghiệp.

Ngoài các chỉ tiêu mà doanh nghiệp thường xuyên đánh giá thuyết minh báo cáo tài chính như: tỉ suất lợi nhuận, vòng quay vốn, tỷ suất đầu tư... cần phải đặc biệt chú trọng đến việc phân tích các chỉ tiêu có liên quan đến nguồn vốn chủ sở hữu, nợ phải trả, khả năng thanh toán, tỉ số nợ phải trả so với nguồn vốn, chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh.

- Tổ chức tốt hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

Mục đích của kiểm soát nội bộ nhằm: giúp cho việc lập các báo cáo tài chính kịp thời, hợp lệ và tuân theo các yêu cầu pháp định có liên quan; phát hiện kịp thời những rắc rối trong kinh doanh để hoạch định các biện pháp xử lý; ngăn ngừa hoặc phát hiện các sai phạm và gian lận trong SXKD, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và bảo vệ những thông tin không bị lạm dụng và sử dụng sai mục đích.

Kiểm toán nội bộ nhằm giúp cho các chủ đầu tư tự giám sát tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Muốn vậy doanh nghiệp phải tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập, phục vụ cho công tác giám sát tài chính của các chủ đầu tư và của các nhà quản lý.

Mối quan hệ giữa hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ là hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ không bao giờ phát huy hết năng lực của mình nếu bản thân doanh nghiệp không tôn trọng và nâng cao vai trò hoạt động của kiểm toán nội bộ.

- Tổ chức tốt phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp nhà nước hiện nay được phân phối cho các đối tượng là: Nhà nước gồm có thuế vốn; cho doanh nghiệp có quỹ dự trữ mất việc làm, quỹ đầu tư và phát triển; cho người lao động có quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi. Trong các DNQP hiện nay, quỹ đầu tư và phát triển phải phân phối lại cho cơ quan chủ quản ít nhất là 50%, thậm chí có đơn vị phải dùng cả quỹ phúc lợi và khen thưởng để nộp. Cá biệt phải dùng cả vốn để nộp nên phải đi vay vốn để hoạt động. Do vậy cần phải tổ chức giám sát việc phân phối và sử dụng lợi nhuận doanh nghiệp một cách hợp lý thông qua cơ chế giám sát của hội nghị công nhân viên chức, tổ chức công đoàn, các quy định về thỏa ước lao động tập thể... giúp cho người lao động có thể tham gia giám sát nhằm đảm bảo quyền lợi cho mình và tránh sự áp đặt phân phối của cấp trên.

Ngoài ra trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước không nên thu tiền sử dụng vốn mà để doanh nghiệp dùng nguồn này tăng vốn hoạt động.

2. Quản lý tài chính đối với các bên có quyền lợi liên quan đến doanh nghiệp

Các bên có quyền lợi liên quan sẽ bị tổn thất nếu như doanh nghiệp bị thua lỗ. Do vậy cần phải có một cơ chế, chính sách quản lý tài chính như thế nào để các bên có quyền lợi liên quan có thể gián tiếp quản lý, theo dõi hoạt động của doanh nghiệp. Các giải pháp cụ thể đó là:

- Quy định hoạt động SXKD phải thông qua hợp đồng kinh tế và phải xuất hóa đơn tài chính.

Hiện nay các trường hợp mua bán với những người trực tiếp tiêu dùng thường không cần sử dụng hợp đồng và

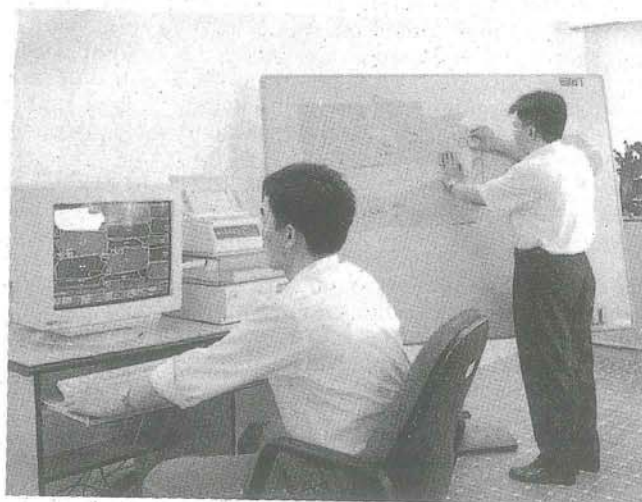
hóa đơn, nhưng để khuyến khích thành phần này thực thi chế độ hợp đồng và hóa đơn, cần thiết nhà nước nên tạo thói quen nhận hóa đơn khi mua hàng của người dân bằng cách cho khấu trừ thuế giá trị gia tăng và giảm thu nhập chịu thuế cá nhân khi họ xuất trình hóa đơn tài chính.

- Quy định bắt buộc việc thanh toán phải qua tài khoản ngân hàng.

Hướng tới Nhà nước nên có quy định bắt buộc các loại hình kinh tế phải thanh toán qua ngân hàng, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quan hệ giao dịch kinh doanh với doanh nghiệp (bao gồm cả pháp nhân lẫn thể nhân), đồng thời tạo điều kiện cho Nhà nước giám sát được nguồn gốc thu nhập, cũng như tạo điều kiện cho các bên có quyền lợi liên quan có thể kiểm soát được tình hình tài chính của doanh nghiệp mà mình giao dịch.

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG Ở VIỆT NAM

Thạc sĩ PHẠM GẶP



- Quản lý doanh nghiệp thông qua các định chế tài chính thống nhất.

Hiện nay các chính sách chế độ tài chính chưa theo kịp với diễn biến tình hình thực tế của doanh nghiệp, một số các chế độ chi tiêu tài chính và hạch toán kinh doanh đến nay đã tỏ ra quá lỗi thời và lạc hậu, không phản ánh hết các khoản mục chi phí giá thành và phí lưu thông trong xã hội.

Nhằm tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp và thúc đẩy quá trình cạnh tranh lành mạnh, thì cần thiết nên tạo ra một định chế tài chính thống nhất, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn và công bằng để quản lý tất cả các loại hình doanh nghiệp. Có như vậy mới tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ và tập trung vốn để phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ nhằm từng bước nâng cao hiệu quả SXKD, tăng khả năng cạnh tranh và cạnh tranh một cách bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Có như thế thì các doanh nghiệp Việt Nam mới có thể tồn tại và phát triển đi lên trong quá trình hội nhập thực hiện lộ trình AFTA sắp tới, cũng như khi gia nhập WTO.

- Tiến đến quản lý doanh nghiệp theo cơ chế một luật.

Trong chính sách tài chính doanh nghiệp, điều quan trọng nhất là tạo cơ sở bình đẳng, tránh phân biệt đối xử đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Muốn vậy, cần khắc phục những điểm không công bằng trong các luật hiện hành bằng cách tiếp tục nghiên cứu một luật chung thay thế cho luật DNNN, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật hợp tác xã, Luật ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng bằng Luật doanh nghiệp VN.

3. Quản lý tài chính Nhà nước và của Bộ quốc phòng đối với DNQP

Cơ chế chính sách tài chính hiện hành đã bước đầu tạo dựng sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Tuy nhiên cơ chế này vẫn còn bị điều chỉnh bởi các luật khác nhau như Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp nhà nước... nên cơ chế tài chính vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần phải tiếp tục hoàn thiện theo các vấn đề sau: các chính sách tài chính tác động đến DNQP; các cơ chế tài chính tác động đến DNQP; các quy định nhằm tạo cơ sở tăng cường quản lý tài chính DNQP; xây dựng thêm một số tổ chức hỗ trợ cho quản lý tài chính DNQP.

- Hoàn thiện các chính sách tài chính tác động đến DNQP

+ Chính sách đầu tư vốn

Chính sách đầu tư vốn chỉ phát huy tác dụng khi có chính sách mở rộng thu hút vốn cho doanh nghiệp thể hiện:

- Mở rộng hình thức miễn thuế, giảm thuế, ưu đãi tín dụng để khuyến khích các nhà đầu tư vào kinh doanh ở các ngành, lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư nhất là các vùng sâu vùng xa. Cần thiết có thể thoái thu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu như doanh nghiệp có luận chứng đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị hoặc đi vào công nghệ mới có tính đột phá.

- Hoàn thiện cơ chế thuê mua tài chính, cơ chế tín dụng, cơ chế bảo lãnh tín dụng, cơ chế phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mở rộng khả năng huy động vốn.

- Đối với các DNQP đầu tư vào những vùng kinh tế mới nhằm phát huy vai trò nòng cốt tham gia xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, cũng có an ninh quốc phòng, đứng chân trên các địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, Nhà nước cần có chính sách đầu tư đặc biệt, tập trung dứt điểm theo từng vùng trước khi triển khai các nơi khác

+ Chính sách động viên vào ngân sách

Đối với các DNQP các đơn vị chủ quản nên động viên nguồn thu từ quỹ đầu tư phát triển chứ không nên thu theo cách ấn định nộp theo chỉ tiêu kinh tế như hiện nay làm

cho doanh nghiệp rất khó khăn trong hoạt động SXKD.

+ Chính sách tài chính đối với phát triển thị trường

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế, thì chính sách này rất quan trọng, có tác dụng dẫn dắt doanh nghiệp thực hiện quá trình tiếp cận và mở rộng thị trường, nhất là thị trường mới.

Nhà nước nên công bố rộng rãi cho doanh nghiệp biết lộ trình gia nhập AFTA, tiến trình thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến trình đàm phán gia nhập WTO để doanh nghiệp chủ động trong việc tiếp cận thị trường, chủ động đầu tư và có kế hoạch đón đầu hay đối phó với tình hình mới.

- Hoàn thiện các cơ chế tài chính tác động đến các DNQP

Hiện nay DNQP chỉ có một loại hình là DNNN, do vậy cơ chế quản lý tài chính DNQP ngoài việc tuân thủ theo cơ chế quản lý tài chính DNNN, còn phải thực hiện theo cơ chế đặc thù của khối quốc phòng. Cho đến nay trong quá trình thực hiện, cơ chế tài chính đã bộc lộ một số hạn chế cần sửa đổi bổ sung, đó là:

+ Cơ chế quản lý vốn và tài sản

Hiện nay DNNN nói chung, DNQP nói riêng không có nguồn để bổ sung vốn nên quy mô doanh nghiệp trong vòng 10 năm trở lại đây không tăng được bao nhiêu, do vậy cần phải xác định nguồn vốn hợp pháp để doanh nghiệp tự bổ sung đó là:

- Cấp lại phần thuế thu nhập năm sau cao hơn năm trước.

- Cấp lại phần thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với phần lợi nhuận sau thuế do doanh nghiệp đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ.

- Được tăng vốn từ các khoản lợi tức được chia từ liên doanh khi góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất.

- Không thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung mà để lại toàn bộ khoản lợi nhuận còn lại sau khi đã trích đủ các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ dự phòng tài chính.

- Xác định rõ quyền sở hữu về tài sản của doanh nghiệp, bỏ can thiệp của Nhà nước đối với các vấn đề tài sản doanh nghiệp như cho phép thanh lý, nhượng bán, cầm cố, thế chấp.

- Về khấu hao tài sản cố định nên quy định mức khấu hao tối thiểu, bắt buộc đối với doanh nghiệp không hạn chế khấu hao tối đa.

- Ban hành cơ chế đầu tư cho doanh nghiệp, xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm trong công tác đầu tư theo hướng mở rộng quyền tự quyết của doanh nghiệp cũng như trách nhiệm khi đầu tư không có hiệu quả.

+ Cơ chế quản lý doanh thu và chi phí

Xây dựng và ban hành cơ chế kiểm soát chi phí của các doanh nghiệp trong các ngành có lợi thế hoặc độc quyền, chống lại việc lợi dụng các lợi thế đó tạo nên các đặc quyền đặc lợi. Như ở quốc phòng hiện nay có một số ngành có lợi thế như các công ty bay, quân cảng... đối với các ngành này cần khảo sát và ban hành các định mức chi phí riêng để làm cơ sở kiểm soát chi phí.

+ Cơ chế tài chính cho doanh nghiệp thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích

Hiện nay DNQP có hai loại hình là doanh nghiệp hoạt động công ích và doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Cả nước có trên 730 doanh nghiệp hoạt động công ích. Bộ quốc phòng có 85 doanh nghiệp chiếm 11,6 % trên tổng số doanh nghiệp công ích của cả nước. Đặc thù các doanh nghiệp hoạt động công ích thuộc Bộ quốc phòng là nhiều doanh nghiệp doanh thu sản phẩm công ích chỉ đạt 15 đến 20% trên tổng doanh thu. Do vậy công tác tổ chức hạch toán kế toán, phân bổ chi phí cần chặt chẽ, chính xác nhằm đánh giá đúng kết quả và hiệu quả sản xuất của từng mặt hàng, từng loại sản phẩm, cũng như việc áp dụng các chính sách quy định cho sản phẩm quốc phòng và sản phẩm kinh tế

được thuận lợi.

Tuy nhiên trong xu hướng tới, quản lý tài chính các doanh nghiệp, Nhà nước nên hướng đến thực hiện theo cơ chế một luật, nghĩa là sẽ bỏ quy chế tài chính áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động công ích. Thay vào đó xây dựng quy chế tài chính cho việc thực hiện các sản phẩm dịch vụ công ích. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khi thực hiện các sản phẩm dịch vụ công ích sẽ được áp dụng theo cơ chế này. Cơ chế này sẽ bao gồm các vấn đề đầu thầu thực hiện sản phẩm công ích; quy chế xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công ích; quy chế ứng vốn, thanh toán tiền sản phẩm, dịch vụ; quy chế ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích.

- Các quy định nhằm tạo cơ sở tăng cường quản lý tài chính doanh nghiệp

+ Quy định cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

Qua khảo sát chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, chúng tôi nhận thấy rằng một cơ quan có thể tham mưu cho nhà nước trong việc theo dõi, giám sát một cách chặt chẽ mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp trong đó có tình hình hoạt động tài chính và có thể nhanh chóng đưa ra những cảnh báo, những đề nghị chấn chỉnh hoạt động doanh nghiệp, thậm chí có thể rút giấy phép hoạt động. Cơ quan chúng tôi đề nghị chính là cơ quan trực tiếp cấp giấy phép cho doanh nghiệp hoạt động, hoặc rút giấy phép khi doanh nghiệp không còn khả năng hoạt động đó là Bộ kế hoạch và đầu tư. Bộ kế hoạch và đầu tư sẽ giao cho các Sở kế hoạch và đầu tư của từng địa phương theo dõi quản lý trực tiếp, còn các DNQP thì giao cho Cục kế hoạch và đầu tư - BQP theo dõi trực tiếp.

Cơ quan này sẽ thay mặt Nhà nước thu thập toàn bộ thông tin có liên quan đến quá trình hoạt động SXKD của doanh nghiệp, thông qua việc thiết lập hệ thống thông tin dữ liệu. Đây là cơ quan duy nhất có thẩm quyền phát ngôn chính thức về tình hình của doanh nghiệp trước công luận. Trên cơ sở một hệ thống các chỉ tiêu, có đưa ra những giới hạn và những mức độ cảnh báo về phạm vi hoạt động tài chính của từng doanh nghiệp do chương trình quản lý từ trung tâm dữ liệu cung cấp, cơ quan này sẽ đưa ra những lời cảnh báo nhắc nhở, khuyến cáo các doanh nghiệp và chịu trách nhiệm hoàn toàn về các thông tin này trước doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan của Nhà nước.

Về phần vốn thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp kể cả các DNQP cũng cần thống nhất giao cho một cơ quan chuyên trách làm chủ sở hữu. Cơ quan này ngoài chức năng quản lý còn có chức năng đầu tư, làm cho đồng vốn thuộc sở hữu nhà nước không những được bảo toàn mà còn tăng trưởng, đó là công ty đầu tư tài chính.

+ Quy định việc giám sát các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của doanh nghiệp

Cần phải bổ sung thêm một số chỉ tiêu cơ bản để phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nói chung, các DNQP nói riêng có lành mạnh hay không đó là điều hết sức cần thiết, các chỉ tiêu được đề nghị thêm đó là:

• Tỷ suất tự tài trợ: Là tỉ lệ giữa nguồn vốn chủ sở hữu với tổng nguồn vốn hoạt động:

$$A = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn hoạt động}} \times 100\%$$

Ý nghĩa của chỉ tiêu này cho thấy mức độ độc lập hay phụ thuộc về mặt tài chính của doanh nghiệp đối với các chủ nợ. Tỷ suất A càng lớn chứng tỏ nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỉ lệ cao và đồng nghĩa với tính độc lập của doanh nghiệp càng cao, do đó không bị lệ thuộc hay bị sức ép của các khoản vay.

• Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: Là tỉ lệ giữa tổng số nợ phải trả với nguồn vốn chủ sở hữu.

$$B = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$$

$B < 1$: Vốn của doanh nghiệp đủ trang trải cho các khoản nợ phải trả.

$B \geq 1$: Vốn của doanh nghiệp không đủ để trả các khoản nợ phải trả.

• Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

Mục đích của chỉ tiêu này dùng để quản lý tình hình hoạt động tài chính doanh nghiệp nhằm có thể đánh giá khả năng tích tụ vốn của doanh nghiệp.

Ta có công thức:

$$C = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho ta thấy được hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, và cũng nói lên mức độ lợi nhuận ròng so với nguồn vốn chủ sở hữu trong năm được bao nhiêu lần.

• Tỷ suất nợ phải trả:

Nợ phải trả của doanh nghiệp gồm tổng vốn vay và vốn chiếm dụng trong thanh toán của doanh nghiệp.

Tỷ suất nợ phải trả chính là tỉ lệ của nợ phải trả với tổng nguồn vốn hoạt động.

$$D = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn hoạt động}} \times 100\%$$

Tương tự ta có thêm hai chỉ tiêu:

$$D1 = \frac{\text{Tổng số vốn vay}}{\text{Tổng nguồn vốn hoạt động}} \times 100\%$$

Tỷ suất vốn chiếm dụng:

$$D2 = \frac{\text{Tổng số vốn chiếm dụng}}{\text{Tổng nguồn vốn hoạt động}} \times 100\%$$

Như vậy ta có đẳng thức: $D = D1 + D2$.

Đứng ở góc độ quản lý tài chính, chúng ta quan tâm đến D, D1, D2 để đánh giá đúng thực trạng tài chính của doanh nghiệp. Khi D quá cao, các cơ quan quản lý doanh nghiệp phải báo động và có những biện pháp ngăn chặn kịp thời, tránh tình trạng vỡ nợ phá sản gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước và nhân dân, ảnh hưởng đến đời sống và an ninh xã hội.

- Xây dựng thêm một số tổ chức hỗ trợ cho việc quản lý tài chính doanh nghiệp

+ Xây dựng trung tâm thông tin dữ liệu doanh nghiệp:

Mục đích của trung tâm dữ liệu doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước, cho các doanh nghiệp và phục vụ cho việc hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước.

+ Xây dựng công ty xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp:

Thành lập và cho phép các công ty xếp hạng tín nhiệm tiến hành xếp hạng tín nhiệm cho các doanh nghiệp trước khi cho tiến hành thẩm định đầu tư và công bố kết quả xếp hạng cho các nhà đầu tư lựa chọn. Xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp sẽ giúp cho tiến trình sắp xếp và cải cách DNNN được tiến hành một cách an toàn, thuận lợi ngăn ngừa những diễn biến xấu có thể xảy ra, giữ được mức độ an toàn cho nhà đầu tư. Mặt khác thông qua việc xếp hạng tín nhiệm, đối với các doanh nghiệp có mức xếp hạng quá thấp đồng nghĩa với độ rủi ro cao thì Nhà nước có thể cảnh báo và có kế hoạch giám sát kịp thời.